

Nguyên tắc lịch sự của hành vi *nịnh* trong tiếng Hán (Qua ngữ liệu bộ phim *Bản lĩnh Kỹ Hiệp Lam*)

Cầm Tú Tài^{1,*}, Nguyễn Thị Thanh Huệ²

¹*Khoa Sau đại học, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, Dương Quảng Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 23 tháng 02 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 3 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2014

Tóm tắt: Trên cơ sở khảo sát ngữ liệu trong bộ phim truyền hình Trung Quốc *Bản lĩnh Kỹ Hiệp Lam*, chúng tôi đã tiến hành tổng kết và phân tích các nguyên tắc gồm nguyên tắc về cách xưng hô, nguyên tắc nhã nhặn, nguyên tắc khiêm tốn và tôn trọng người khác thường dùng trong hành vi *nịnh* thuộc chiến lược giao tiếp tiếng Hán, nhằm giúp người sử dụng tiếng Hán có thêm sự cảm nhận về tính nghệ thuật và tính hiệu quả của việc vận dụng ngôn từ trong giao tiếp.

Từ khóa: Nguyên tắc lịch sự, hành vi *nịnh*, giao tiếp tiếng Hán, *Bản lĩnh Kỹ Hiệp Lam*.

1. Dẫn nhập

Nịnh là hiện tượng ngôn ngữ phổ biến trong cuộc sống, là hành động con người sử dụng ngôn ngữ để tán thưởng, khen ngợi hoặc đề cao người khác hơn mức bình thường, vượt qua sự đúng mực cần thiết trong bối cảnh giao tiếp nhằm mục đích cầu lợi. Từ điển tiếng Việt giải thích: “*Nịnh* là khen ngợi người trên một cách quá đáng và hèn hạ để cầu lợi”[1]. Trong tiếng Việt có những từ như *nịnh bợ*, *nịnh hót*, *xu nịnh*, *nịnh nọt*, *nịnh thần*. Trong tiếng Hán cũng có những từ như 奉承 (*xu nịnh*), 拍马屁 (*nịnh nọt*), 讨好 (*nịnh hót*), 阿谀 (*nịnh bợ*), 佞臣 (*nịnh thần*)... và chúng đều mang nghĩa tiêu cực

là xu nịnh, một trong những hành vi lấy lòng người khác mà hạ thấp mình một cách vô điều kiện để đạt được mục đích giao tiếp. Tuy nhiên, vì nó tuân thủ nguyên tắc “hạ thấp mình và đề cao người khác” nên cũng được coi là một trong những chiến lược giao tiếp và liên quan đến tính lịch sự. Chúng tôi cho rằng, hành vi *nịnh* không những thể hiện bằng ngôn ngữ mà còn thể hiện qua tư thế, cử chỉ, nét mặt, điệu bộ của người nói, tất cả nhằm tạo nên một cảm giác “được đề cao” đối với người nghe.

Trong mối tương quan với hành vi *nịnh* còn cần nhắc đến và phân định rõ các hành vi khác như: *đề cao*, *khen*, *khen ngợi*, *ca ngợi*, *biểu dương*, *tán dương*, *tâng bốc*... *Đề cao* là làm nổi bật để người ta chú ý đến tác dụng, giá trị và tầm quan trọng. *Khen*, *khen ngợi*, *ca ngợi* là

*Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-982088718
Email: camtutai@hotmail.com

nêu lên cái đẹp, cái hay, cái tốt để động viên. *Biểu dương* là nêu lên để ca ngợi về cái hay, cái tốt, cái thành quả đạt được của một hành động hay quá trình nào đó, hoàn toàn là vấn đề đúng đắn [1]. Như vậy *đề cao*, *khen* và *biểu dương* đều là các hành động đánh giá tốt, mang tính lịch sự, có tính động viên đúng với mức độ đáng được công nhận của một người về hành vi, sự cố gắng của họ, nhằm khích lệ và giúp người nghe hướng tới sự phát triển tốt hơn nữa trong tương lai. Tuy nhiên lại có mức độ khen, đề cao vượt quá sự thật hoặc không đúng sự thật, ở một mức độ nào đó đồng nghĩa với hành vi *tán dương* (khen quá lên để đề cao), thậm chí còn có thể là sự *tâng bốc* (đề cao quá đáng, thường là với ý nịnh nọt) [1]. Các hành vi trên vốn khác với hành vi *nịnh*, nhưng ở một mức độ nào đó, chúng cũng mang hơi hướng nội hàm của hành vi *nịnh*.

Chiến lược lịch sự khi sử dụng hành vi *nịnh* là vô cùng quan trọng, việc sử dụng chiến lược này tốt hay không sẽ quyết định sự thành bại trong giao tiếp. Trong khuôn khổ bài viết này, thông qua khảo sát nguồn ngữ liệu từ bộ phim truyền hình Trung Quốc *Bản lĩnh Kỹ Hiệp Lam* của đạo diễn Lưu Gia Thành phát trên Đài truyền hình Trung ương Trung Quốc năm 2001, chúng tôi bước đầu phân tích nhằm làm rõ hơn những nguyên tắc lịch sự của hành vi *nịnh*, giúp độc giả hiểu chính xác hơn về tính lịch sự và hành vi *nịnh* được thể hiện trong giao tiếp tiếng Hán.

2. Nội hàm của phép lịch sự trong tiếng Hán

Từ 礼貌 (lịch sự, lễ phép) có nguồn gốc từ chữ 礼 (lễ) trong tiếng Hán cổ. Sách “Thuyết văn giải tự chú” (说文解字) giải thích: “*Lễ vốn dùng trong cúng tế cầu phúc*” (礼, 示字部, 履也, 所以事神致福也, 从示从豊) [2]. Như vậy, Lễ vốn là một hành vi

cúng tế. Cúng tế cần có nguyên tắc, Lễ dùng để chỉ các nguyên tắc, quy định... Về sau, Lễ trở thành một thiết chế xã hội, còn được gọi là “Lễ chế”, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hệ thống tư tưởng triết học cổ Trung Hoa. Trong thời kì phong kiến, do có sự phân biệt giai cấp, “Lễ” được coi là nguyên tắc cơ bản để duy trì trật tự xã hội. “*Chu lễ (周礼)*”, “*Nghi lễ (仪礼)*” và “*Lễ kí (礼记)*” hợp thành “*tam lễ (三礼)*”, là bộ sách hoàn chỉnh nhất thời kì tiền Tần (trước năm 221 TCN) qui định về “Lễ” ở Trung Quốc [3].

Học giả Cố Viêt Quốc khi nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa đã nhận định: “‘lễ phép, lịch sự’ hiện nay khác xa so với ‘lễ’ trong xã hội trước kia, nhưng vẫn có mối liên hệ mật thiết với nhau” (现代的“礼貌”与古代的“礼貌”有很大的区别, 同时也有千丝万缕的联系) [3]. “Lễ” ngày nay có kế thừa những quan điểm của “Lễ” trước đây, nhưng đã dần thoát khỏi ảnh hưởng của sự phân biệt giai cấp. Trong xã hội hiện đại ngày nay, “Lễ” với chức năng chủ yếu là đảm bảo quá trình giao tiếp có thể diễn ra thuận lợi hơn đã trở thành nguyên tắc giao tiếp cơ bản được mọi người công nhận và tuân thủ. “Lễ” ở đây có nhiều điểm tương đồng về mặt ý nghĩa với từ “lễ phép, lịch sự” trong tiếng Hán hiện đại. Vì thế, “tự ti nhi tôn nhân” (hạ thấp bản thân và đề cao người khác) là nguyên tắc lịch sự mang bản sắc riêng trong giao tiếp của người Trung Quốc để đảm bảo “Lễ”, đồng thời trong nguyên tắc này lại có nhiều điểm tương đồng với *Nịnh*, cho nên người giao tiếp cố gắng đảm bảo nguyên tắc lịch sự của hành vi *nịnh* để đạt được mục đích giao tiếp.

3. Nguyên tắc lịch sự của hành vi *nịnh*

Một phần diện mạo văn hóa giao tiếp trong tiếng Hán được thể hiện ở bốn đặc trưng cơ

bản, đó là: tôn trọng (tôn trọng bản thân, khen ngợi người khác); khiêm tốn (tự hạ thấp bản thân để thể hiện sự tôn trọng với người khác); nhiệt tình (quan tâm, cư xử đúng mực, hiếu khách); lịch sự (cư xử, ăn nói đúng mực). Trên cơ sở những đặc trưng này, kết hợp với nguyên tắc lịch sự của Leech (1983) đã đưa ra trong [4], qua việc khảo cứu ngữ liệu lời thoại của các nhân vật đại diện cho cá tính tham lam, gian xảo, luồn cúi xu nịnh như Hòa Thân, và nhân vật đại diện cho tính liêm trực, ngay thẳng như Kỷ Hiểu Lam xuất hiện trong bộ phim truyền hình Trung Quốc *Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam*, chúng tôi rút ra ba nguyên tắc cơ bản sau:

3.1. Nguyên tắc về cách xưng hô

自称 (tự xưng)	对他人的称呼 (đối xưng và tha xưng)	中性称谓 (từ xưng hô trung tính)
臣 (thần)	皇上 (hoàng thượng)	我 (tôi)
臣妾 (thần thiếp)	大人 (đại nhân)	你 (anh)
卑职 (bỉ chức)	尊职 (tôn chức)	我们 (chúng ta, chúng tôi)
奴才 (nô tài)	万岁爷 (vạn tuế da)	妹妹 (em gái)
草民 (thảo dân)	太后 (thái hậu)	哥哥 (anh trai)
民女 (dân nữ)	您 (ngài)	小月 (Tiểu Nguyệt)
小的 (bè tôi)	官爷 (quan da)	晓岚 (Hiểu Lam)

Bảng trên cho thấy, từ ngữ dùng để tự xưng đều thể hiện sự khiêm tốn, nhún nhường của người phát ngôn, từ ngữ dùng để đối xưng thường thể hiện ý đề cao và tôn trọng người nhận ngôn.

Nịnh là hành vi có mục đích vụ lợi. Nếu trong quá trình giao tiếp, chúng ta sử dụng những từ ngữ xưng hô không phù hợp sẽ khiến đối phương không hài lòng, phản cảm, quá trình giao tiếp theo đó cũng bị ảnh hưởng, không duy trì được không khí thoải mái và vui vẻ. Nói một cách khác, sử dụng từ ngữ xưng hô thích hợp sẽ khiến đối phương cảm thấy hài lòng, là bước đệm quan trọng khi nịnh. Khi lựa chọn từ ngữ

Để làm rõ vai trò của từ ngữ xưng hô được sử dụng trong hành vi *nịnh*, chúng tôi xin được dẫn ra khái niệm về sự khác biệt giữa các tầng lớp xã hội. Sự khác biệt giữa các tầng lớp xã hội là vị trí cao thấp khác nhau giữa các thành viên trong xã hội. Trong quá trình giao tiếp, người có địa vị thấp hơn thường có xu hướng vị nể, lấy lòng, đến mức cực đoan là xu nịnh người có địa vị cao hơn. Để khen ngợi, đề cao đối phương, họ thường lựa chọn những từ ngữ xưng hô khách sáo, thể hiện phép lịch sự, sự tôn trọng và ngưỡng mộ. Trong khi đó, người ở địa vị cao hơn thường lựa chọn cách xưng hô thể hiện sự thân mật. Những từ ngữ xưng hô như vậy xuất hiện trong bộ phim *Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam* được thể hiện qua bảng sau:

xưng hô, càng đề cao địa vị của đối phương, thì càng thể hiện sự tôn trọng, quá trình đối thoại nhờ vậy mà trở nên suôn sẻ hơn. Đây là tiền đề quan trọng để người phát ngôn đạt được mục đích mong muốn khi thực thi hành vi nịnh. Ví dụ:

(1)店小二：这位爷，您又来了，您今几个想来点什么？还是半只烧鸡，一壶酒？

(《铁尺铜牙纪晓岚》第一部)

Bồi bàn: *Vị quan khách này, ngài lại tới rồi ạ? Hôm nay ngài muốn dùng món gì? Vẫn gọi nửa con gà nướng, một bầu rượu như mọi khi đúng không ạ?*

(Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 1)

Trong ví dụ trên, mối quan hệ giữa bồi bàn và Kỷ Hiểu Lam là người phục vụ và người được phục vụ, giữa họ có sự khác biệt về địa vị, vì vậy người có địa vị thấp hơn thường cố gắng làm cho đối phương hài lòng, nhằm đạt được mục đích khuyến khích họ gọi nhiều món ăn hơn. Dù không biết thân thế thực sự của Kỷ Hiểu Lam, nhưng người phục vụ vẫn xưng hô 爷 da (ngài), điều này cho thấy người phục vụ đã đề cao địa vị xã hội của đối phương. Như vậy sẽ mang lại cảm giác vui vẻ cho khách, từ đó khiến khách hàng cảm thấy thoải mái và sẵn lòng hào phóng khi tiêu tiền trong quán. Kết quả, người hưởng lợi chính là chủ quán. Ngược lại, giả sử người phục vụ không xưng hô như vậy thì có thể sẽ khiến cho khách hàng cảm thấy mình không được chủ quán tôn trọng và đón nhận, sẽ ảnh hưởng đến tâm lý tiêu dùng.

Đặc điểm của nguyên tắc này là khi lựa chọn từ ngữ xưng hô, người nói thường cố gắng rút ngắn khoảng cách, tạo sự gắn kết thân mật với người nghe, khiến họ cảm thấy vui vẻ, nhờ đó người nói dễ dàng đạt được mục đích.

Ngoài ra, trong tiếng Hán giao tiếp hàng ngày, khi có chuyện muốn nhờ người khác giúp đỡ thì chủ thể phát ngôn thường lựa chọn những từ ngữ xưng hô thân mật để lấy lòng: với nam giới lớn tuổi hơn mình một chút, thường dùng 兄huynh, 哥哥ca ca, 大哥đại ca (anh); nữ giới nhỏ tuổi hơn, thường dùng 小妹儿 tiểu muội (em gái); với người đứng tuổi thường dùng 叔叔 thúc thúc (chú), 阿姨 a di (dì, cô), 大叔 đại thúc (chú), 大婶 đại thím (thím)... Những cách xưng hô kèm những từ thể hiện mối quan hệ huyết thống này thường có tác dụng rút ngắn khoảng cách giữa người nghe và người nói. Ví dụ:

(2) 和珅：怎么说呢，晓岚兄阿，你是知道的.....

Hòa Thân: Nói thế nào nhỉ, Hiểu Lam huynh, huynh cũng biết là...

(3) 和珅：纪大人，你可真是我的再生父母阿.....

Hòa Thân: Kỷ đại nhân, huynh đúng là phụ mẫu tái sinh của Hòa mỗ!

(4) 和珅：纪先生，辛苦了，快喝上一杯，暖暖身子.....

(《铁尺铜牙纪晓岚》第三部)

Hòa Thân: Kỷ tiên sinh, ngài đã vất vả rồi, mau uống nước đi cho ấm người.

(Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 3)

(5) 和珅：瞧你这话说的！小月妹妹，我这位兄长可是一直待你不薄，虽不及亲哥哥般呵护备至，但怎么着也算是有求必应吧！
(《铁尺铜牙纪晓岚》第二部)

Hòa Thân: Muội đang nói gì vậy? Tiểu Nguyệt muội, một huynh trưởng như ta bình thường đối xử với cô không bạc, tuy không tận tâm như huynh muội ruột thịt, nhưng muội muốn gì ta cũng đều đáp ứng kia mà.
(Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 2)

Trong ví dụ (2), Hòa Thân gọi Kỷ Hiểu Lam là 晓岚兄 (Hiểu Lam huynh), đây là cách gọi thể hiện sự thân mật. Cách xưng hô 纪大人 (Kỷ đại nhân) hay 纪先生 (Kỷ tiên sinh) tiếp theo là căn cứ theo địa vị xã hội. Ba cách xưng hô trên đều có tác dụng lấy lòng người khác, nhưng cách gọi có từ chỉ mối quan hệ huyết thống thường thể hiện sự thân thiết hơn.

Trong ví dụ (5), cách xưng hô 小月妹妹 (Tiểu Nguyệt muội) có hai tầng ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là thể hiện mối quan hệ giữa Hòa Thân và Tiểu Nguyệt thân thiết như anh em ruột thịt. Ngoài ra, cách xưng hô còn có ý nghĩa thứ hai là hàm ý trong mắt Hòa Thân, Tiểu Nguyệt mãi mãi trẻ trung xinh xắn.

3.2. Nguyên tắc nhã nhặn

Học giả Cố Viết Quốc đã đưa ra nhận xét: “Nếu một người ăn nói thô tục sẽ bị cho là

không lễ độ, vô văn hóa. Ngược lại, một người ăn nói nhã nhặn, khí chất cao quý, cư xử đúng mực sẽ được tôn trọng, được đánh giá là có văn hóa. ‘Nhã nhặn’ và ‘có văn hóa’ là hai yếu tố của phép lịch sự... Những từ ngữ lịch sự thể hiện người nói là người có văn hóa, nội hàm tinh thần cũng được nâng lên ở mức cao hơn”(一个人如果粗俗, 满口污言秽语, 他就要被社会指责为“不懂礼貌”、“没教养”。反之, 一个人如果文质彬彬, 出言高雅, 他就是一位“彬彬有礼”、“有教养”之人。“教养”与“文雅”是礼貌的另一要素。..... 礼貌语言显示说话人有教养, 有教养即精神境界达到了较高的层次) [3]. Nội dung được hiểu một cách đơn giản là muốn được đánh giá là người lễ độ, phải ăn nói nhã nhặn, lịch sự. Mục đích của hành vi nịnh là muốn nhận được sự khẳng định và yêu thích từ đối phương, vì vậy người nói cần thể hiện mình là người ăn nói nhã nhặn lịch sự.

Trong những cuộc đối thoại giữa Hoàng thượng, Hòa Thân và Kỷ Hiểu Lam trong tác phẩm *Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam*, Hòa Thân thường sử dụng khá nhiều thành ngữ và ngôn ngữ khi khen ngợi nịnh nọt Hoàng đế. Ví dụ:

(6) 和珅: *吾皇英明神武。上追秦王汉武, 下比唐宗宋祖。文治武略, 十全功绩, 八方拜倒, 四海称臣!*
(《铁尺铜牙纪晓岚》第三部)

Hòa Thân: *Hoàng thượng anh minh thân võ, trên sánh với Tần Hoàng Hán đế, dưới ngang bằng Đường Tống Tống Tổ, văn võ song toàn, thập toàn thập mỹ, bốn phương tám hướng ngưỡng vọng xưng thần!* (Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 3)

(7) 和珅: “皇上, 因一园林之小事, 就罪已而安民怨, 足见吾皇坦荡之心胸。文治武略之气象, 臣等只有扪心而自问检讨自己, 深以为罪孽深重, 哪儿还有什么话说,

惭愧, 惭愧得无地自容阿!”
(《铁尺铜牙纪晓岚》第二部)

Hòa Thân: *Hoàng thượng, chỉ vì chuyện nhỏ mà người đã tự trách, như vậy cũng đủ thấy người là người thẳng thắn, văn thao võ lược. Chúng thần không thể không tự nhìn lại bản thân mà tự cảm thấy tội lỗi, không còn gì để nói, xấu hổ quá!*

(Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 2)

Trong hai ví dụ trên, Hòa Thân đã sử dụng hàng loạt thành ngữ như *anh minh thân võ, thập toàn thập mỹ, văn thao võ lược*... Về cách biểu đạt, những cấu trúc câu hài hòa, như *thượng truy..., hạ tỉ...*, kết hợp với hành văn ngắn gọn súc tích, có sức thuyết phục, ngữ điệu dễ nghe, chứa đựng nội dung ca ngợi tài đức của người nghe. Tất cả làm nên “thành công” trong chiến lược “nịnh” của Hòa Thân.

Ngoài ra chủ thể *nịnh* cũng thường sử dụng thủ pháp khoa trương để lấy lòng người nghe nhằm đạt được mục đích nào đó. Ví dụ:

(8) 皇上: 朕以为, 边疆动乱, 自古从未彻底解决, 与其一味地派兵镇压, 不如我们采取以柔克刚的方式, 和亲, 不知众爱卿意下如何?

纪晓岚: 启奏黄山, 依奴才之见, 汉代的昭君出塞至今仍是人们口中的美谈, 一方面我们可以实现与边境的文化交流, 另一方面可以避免出动武力, 派兵镇压, 岂不两全其美!

和珅: 启奏皇上, 皇上您深谋远虑, 胸怀百姓, 实在是天下苍生之福, 我们大清之福啊! 想必近日万岁的这一决定, 他日必定是千古美谈啊!

(《铁尺铜牙纪晓岚》第一部)

Hoàng thượng: *Trẫm tưởng biên cương chiến loạn tự cổ chí kim không triều đại nào có thể giải quyết triệt để, điều đó đồng nghĩa với việc phải cử quân trấn thủ, chi bằng chúng ta*

lấy nhu khắc cương, kết hôn hòa hữu, không biết ý các khanh thế nào?

Kỷ Hiểu Lam: Khởi tấu Hoàng thượng, theo ngu kiến của nô tài, Chiêu Quân xuất tái đến nay vẫn là một câu chuyện đẹp được lưu truyền muôn đời, một mặt chúng ta có thể tăng cường giao lưu văn hóa vùng biên cương, mặt khác có thể tránh khỏi nạn đao binh, đúng là kế lưỡng toàn!

Hòa Thân: Khởi bẩm Hoàng thượng, người **tính toán thâm sâu**, suy nghĩ đến lê dân bá tánh, thật là phúc cho thiên hạ, phúc cho đại Thanh ta. Quyết định hôm nay chắc chắn sẽ trở thành giai thoại đẹp! (Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 1)

Trong ví dụ trên, Kỷ Hiểu Lam chủ yếu bàn luận về quyết định Hoàng đế đưa ra, còn Hòa Thân lại sử dụng vài câu thành ngữ để khoa trương công lao của Hoàng đế, làm cho Hoàng đế cảm thấy mãn nguyện và hài lòng.

3.3. Nguyên tắc khiêm tốn, tôn trọng người khác

“Lễ” là nguyên tắc cơ bản trong xã hội Trung Hoa cổ, muốn làm được điều này cần tôn trọng người khác. Tự hạ thấp mình hay nói cách khác là khiêm tốn là nguyên tắc cơ bản nhất, dù là những người tài hoa cũng không được khoe khoang, tự phụ. Vì vậy, trong nguyên tắc về phép lịch sự, người Trung Quốc thường hạ thấp mình và tôn trọng người khác. Ví dụ:

(9) 皇上：朕这精气神儿啊，可是大不如从前了。以前呢，晚上批阅奏章，第二天精神可好了。这两天晚上啊，连着读书，白天就疲惫啊！

和珅：瞧您说的，不是那么档子事儿。皇上，您看您尽管熬了那么多的夜，可脸色比奴才可好多了。
(《铁尺铜牙纪晓岚》第二部)

Hoàng thượng: Bây giờ sức khỏe của ta không còn như trước. Trước đây, buổi tối phê duyệt tấu chương, ngày hôm sau tinh thần vẫn tỉnh táo. Hai ngày nay, đọc sách qua đêm, ban ngày cảm thấy rất mệt mỏi.

Hòa Thân: Hoàng thượng, người nói gì vậy. Dù có thức mấy đêm, sắc mặt của người cũng tốt hơn nô tài nhiều. (Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 2)

Trong ví dụ trên, Hòa Thân muốn làm cho Hoàng thượng vui, dù sắc mặt và sức khỏe tốt hơn Hoàng đế, nhưng vẫn tỏ ra khiêm tốn. Tuy không trực tiếp khen ngợi khí sắc của Hoàng thượng tốt, nhưng thông qua việc so sánh với bản thân, Hòa Thân cũng đã hoàn thành mục tiêu lấy lòng Hoàng thượng mà mình đặt ra.

Ngoài ra, cũng còn một cách nói khác là trực tiếp đề cao người khác. Ví dụ:

(10) 和珅：依奴才看，皇上的才气压根本不是凡人所能及啊！奴才天生愚钝，跟着皇上这么多年，还是没有沾染到皇上的一丝丝才气，奴才真是惭愧，惭愧啊！

(《铁尺铜牙纪晓岚》第四部)

Hòa Thân: Theo nô tài thấy, tài năng của Hoàng thượng thật không ai sánh bằng. Nô tài sinh ra đã ngu muội, theo người nhiều năm nhưng vẫn chưa bằng một chút của người, thật đáng xấu hổ, đáng xấu hổ! (Trích “Bản lĩnh Kỷ Hiểu Lam” phần 4)

(11) 和珅：皇上您这一露面，定能显示出非凡气质。皇上，您是龙子啊！那身上的光芒是遮挡不了的啊！奴才一站在您身边，那就是微不足道的绿叶，给您当陪衬都不够资格呢！

(《铁尺铜牙纪晓岚》第二部)

Hòa Thân: Hoàng thượng, người vừa lộ mặt đã thể hiện khí phách phi thường. Người là con trời, ánh hào quang đó không gì che chắn được. Nô tài đứng cạnh người chỉ như một chiếc lá bé

nhỏ, thậm chí còn không đủ tư cách làm nền cho người.

(Trích “Bản lĩnh Kỳ Hiệu Lam” phần 2)

Trong hai ví dụ trên, Hòa Thân đều khen ngợi Hoàng đế trước, sau đó mới thể hiện sự khiêm tốn. Trong quá trình giao tiếp, khi người nói có ý nịnh nọt, người nghe thường cảm thấy vui là do tâm lí tự mãn, trọng hư vinh. Khi nghe đối phương khen ngợi, mọi người đều cảm thấy vui vẻ và hưng phấn, sau đó đối phương khiêm tốn tự hạ thấp bản thân lại càng phát huy hiệu quả của hành vi *nịnh*.

Như vậy, lịch sự trong giao tiếp được chia thành hai loại: lịch sự tích cực và lịch sự tiêu cực, chúng ta cần trau dồi tính lịch sự trong giao tiếp tích cực và phân đối cái gọi là “lịch sự” mang tính tiêu cực. Cái gọi là lịch sự trong hành vi “nịnh” chính là lịch sự tiêu cực, không phù hợp với thuần phong mỹ tục và nét đẹp truyền thống trong quan hệ xã hội xưa và nay.

4. Kết luận

Trong phạm vi bài viết này, bước đầu chúng tôi đã đề cập đến một số nguyên tắc lịch sự của hành vi *nịnh* trong tiếng Hán. Qua tham khảo những nghiên cứu trong và ngoài nước, trong đó có nghiên cứu của hai tác giả Leech [5] và Cố Viết Quốc [6], kết hợp với tìm hiểu văn hóa Trung Quốc và dựa vào ngữ liệu khảo sát trong

bộ phim truyền hình *Bản lĩnh Kỳ Hiệu Lam*, chúng tôi đã tổng kết được ba nguyên tắc lịch sự thường dùng trong hành vi *nịnh* của tiếng Hán gồm: *Nguyên tắc về cách xưng hô*, *Nguyên tắc nhã nhặn*, *Nguyên tắc khiêm tốn và tôn trọng người khác*. Đồng thời, chúng tôi cũng chỉ ra điểm khác biệt về chất trong phép lịch sự truyền thống cần được phát huy và cái gọi là lịch sự trong hành vi *nịnh* cần được phê phán. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những nguyên tắc thể hiện trong phạm vi hẹp, chưa thể miêu tả được toàn diện đặc điểm giao tiếp trong thực tế. Hy vọng trong những nghiên cứu về sau, chúng tôi sẽ tiếp tục đi sâu tìm hiểu hơn nữa về vấn đề này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Lâm, Từ điển Từ và Ngữ tiếng Việt, NXB TP. HCM, 2000.
- [2] 许慎(段玉裁·注), 说文解字, 浙江古籍出版社, 2006.
- [3] 顾曰国, 礼貌、语用与文化, 外语教学与研究, 4 (1992) 10.
- [4] Yueguo Gu, Politeness phenomena in modern Chinese, Journal of Pragmatics, North-Holland 14 (1990) 237.
- [5] Leech, Geoffrey N., Principles of Pragmatics, London and New York: Longman Press, 1983.
- [6] 陈正华, 以顾曰国礼貌准则看《红楼梦》对话艺术, 安徽工业大学学报(社会科学版), 4 (2009) 59.

The Politeness Principle of “*Flattering*” in Chinese (Based on the Data from the Film “*The Stuff of Ji Xiaolan*”)

Cầm Tú Tài¹, Nguyễn Thị Thanh Huệ²

¹*Faculty of Post-Graduate Studies, VNU University of Languages and International Studies,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

²*Hanoi Pedagogical College, Dương Quảng Hàm, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The article draws out the addressing principles, the courtesy principles and the modesty and respect-for-others principles which are commonly used in “flattering” as a communication strategy in Chinese through the investigation into the data from the Chinese television series “The stuff of Ji Xiaolan”, in order to help Chinese speakers better perceive the artistic and effectiveness of word manipulation in communication.

Keywords: Politeness principle, flattering, Chinese communication, The stuff of Ji Xiaolan.